

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/02/2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Lệ Chi

Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 476/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: đường N, khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1996; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Số E đường H, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:

Chị N và anh D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 13/01/2017.

Cuộc sống hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm về cuộc sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cũng đã can thiệp nhưng không thể giải quyết được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Ngọc Bảo A, sinh ngày 028/2017. Chị N đồng ý để ông Phan Văn D là người trực tiếp nuôi con và chị N tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu T án giải quyết.

Anh Phan Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh D hiện đang trú tại 52/3, đường H, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị N có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N và anh D theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh D tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 13/01/2017, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị N xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, như vậy anh D đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh D đã trầm trọng, không ai còn quan tâm đến nhau, hiện tại chị N và anh D đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh D.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Ngọc Bảo A, sinh ngày 02/08/2017. Chị N yêu cầu anh D là người trực tiếp nuôi con và chị N tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Cháu A còn nhỏ, hiện tại anh D đang là người trực tiếp nuôi cháu. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu A, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Phan Ngọc Bảo A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ (hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí đăng báo 5.000.000đ (năm triệu đồng) chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị N đối với bị đơn anh Phan Văn D về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị N được ly hôn với anh Phan Văn D (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/01/2017).

- Về con chung: Giao con chung là Phan Ngọc Bảo A, sinh ngày 02/8/2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Thị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, chị N và anh D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0001537 ngày 24/09/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Buộc chị N phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí đăng báo 5.000.000đ (năm triệu đồng) chị N đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

